CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2-5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6-7
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	8-32
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13-14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	15-32

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sara Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101476469, được cấp lại mã số doanh nghiệp từ ĐKKD số 0103004132 ngày 12 tháng 4 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 21 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 21 được cấp ngày 30 tháng 07 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 21: 431,999,740.000 đồng

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ

: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại

: 024 668 63602

Fax

: 04 2818180

Email

: contact@sara.vn

Website

: www.sara.vn

Mã số thuế

: 0101476469

Các công ty con:

	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Ha Long Osaka	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.	99%	99%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Lạng Sơn Osaka	Lô M3, Cụm Công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.	98%	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Công ty cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Móng Cái OSAKA	Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.	98%	98%	Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung
Công ty Cổ phần Liên kết Sản xuất Việt Nam Nhật Bản	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	98%	98%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare QUẬN 12	402 Tân Thới Hiệp 07, Khu phố 4, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.	96%	96%	Bán buôn thực phẩm, thuốc, dụng cụ y tế.

CÓNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Công ty vổ phần phòng khám Healthcare NAM SÀI GÒN	568 Lê Văn Lương, Ấp 3, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành nhất Lễ Chí M.	96%	96%	Hoạt động của các phòng khám đa
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Y tế Việt	Thành phố Hồ Chí Minh. 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận	98%	98%	khoa, chuyên khoa. Lập trình máy tính, sản xuất phần mềm
Công ty Cổ phần Phòng khám Tân Triều	Hoàng Mai, Hà Nội Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội.	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcart Hậu Giang	Số 16, đường số 4, Khu vực 4, Phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	98%	98%	và nha khoa Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty Cổ phần Phòng khám Việt Nam Osaka	Tầng 1, T78-G2 Khu đất đấu giá 31ha - Thị trấn Trâu Quỳ - Huyện Gia Lâm - Hà Nội.	98%	98%	và nha khoa Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Sóc Trăng	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng.	98%	98%	và nha khoa Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty cổ thiết bị công nghệ cao Vũng Áng OSAKA	Khu Công nghiệp Vũng Áng 1, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.	99%	99%	và nha khoa Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Vũng Tàu	Tầng trệt, Số 9 Tô Hiến Thành, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	99%	99%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
5 5 1 1 1 2 2 1 K 2 K 2 2 K 2 K 2 K 2 K 2 K				và nha khoa

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không còn sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Lãnh đạo của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Kazuya Kirino Ông Hoàng Văn Ba	Chủ tịch Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022
Ông Hoàng Văn Ba Bà Nguyễn Thị Thu Thùy	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Trịnh Thị Duyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thu Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022
Bà Đậu Thị Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022
Bà Vũ Thị Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022

Ban lãnh đạo

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2021
Ông Cao Minh Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Xác nhận của Ban lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Cam kết khác

Do một số nguyên nhân khách quan, Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ công bố Báo cáo tài chính đã được soát xét bởi công ty Kiểm toán theo thời hạn quy định nên Cổ phiếu của Công ty bị đưa vào diện cảnh báo theo Quyết định số 683/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty Cam kết thực hiện nghĩa vụ ngay sau khi phát hành Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2022

Thay mặt Ban lãnh đạo,

Tổng Giám đốc

5



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT NHANTAM VIET AUDITING COMPANY

Số

0509.01.01/2022/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KÉT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi

Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam, được lập ngày 10 tháng 10 năm 2022 từ trang 08 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Sara Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhằm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2022 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hạnh

CÔNG TY

GCNÐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	TÀI SĂN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		157.698.214.064	170.626.505.167
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	622.638.045	771.212.479
1.	Tiền	111		622.638.045	771.212.479
2.	Các khoản tương đương tiền	112		×	
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		¥	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		(2)	
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		Faul	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.095.890.936	144.499.716.102
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.526.990.936	4.909.494.492
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	113.560.000.000	137.937.590.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		=	Ξ.
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.900.000	1.652.631.610
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			1
IV.	Hàng tồn kho	140		29.554.522.558	23.145.066.370
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	29.554.522.558	23.145.066.370
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		#	21
v.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.425.162.525	2.210.510.216
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		=	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.425.162.525	2.167.090.099
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		₩)	43.420.117
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		= 0	•
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		⇒ 7	.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
В	- TÀI SẨN DÀI HẠN	200		491.374.049.596	437.811.459.973
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.093.899.930	10.093.899.930
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		2	_
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		3	_
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		= 3	_
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		; €0	
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	10.093.899.930	10.093.899.930
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		***	<u>=</u>
II.	Tài sản cố định	220		2.200.678.845	2.490.560.043
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.200.678.845	2.490.560.043
	Nguyên giá	222		5.335.124.014	5.335.124.014
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.134.445.169)	(2.844.563.971)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		÷	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	
3.	Tài sản cố định vô hình	227			-
	Nguyên giá	228		.e.	
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		i n .	:=
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	_
	Nguyên giá	231		=	# 2
	Giá trị hao mòn lũy kế	232			= = = +:
IV.	Tài sản đở dang dài hạn	240		436.085.000	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	436.085.000	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	478.643.385.821	425.227.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		275.400.000.000	221.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			##
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		204.227.000.000	204.227.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(983.614.179)	(₩
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			>æ.
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	<u></u>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		<u>u</u> r	4 ;
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	•
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	_	649.072.263.660	608.437.965.140

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUỒN VÓN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		59.084.519.989	19.060.488.533
I.	Nợ ngắn hạn	310		59.084.519.989	19.060.488.533
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.769.902.874	1.585.405.345
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	17.000.000.000	17.000.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	220.725.474	26.028.949
4.	Phải trả người lao động	314		209.927.190	216.766.490
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	237.458.904	95.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			*
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	15.591.530.960	82.313.162
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	24.000.000.000	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		₹	≘
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.974.587	54.974.587
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		= 0	
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		= = = = = =	= = 9
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		=:	w
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		ź.	3
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		₩ 1	
7.	Phải trả dài hạn khác	337			
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		#1	4 3
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		=	<u> </u>
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		=	-2
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		•	<u></u>
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	Ξ.

Địa chi: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUÒN VÓN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D-	NGUỒN VỚN CHỦ SỞ HỮU	400		589.987.743.671	589.377.476.607
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	589.987.743.671	589.377.476.607
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		431.999.740.000	431.999.740.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431.999.740.000	431.999.740.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(193.750.000)	(70.000.000)
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		=	<u>-</u>
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	<u>-</u>
5.	Cổ phiếu quỹ	415		•	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1=	:
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		3 4	
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1	<u>:</u>
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		155.318.646.360	154.584.629.296
=	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		154.584.629.296	57.282.569.793
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		734.017.064	97.302.059.503
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431			-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỚN	440		649.072.263.660	608.437.965.140

Người lập biểu

Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2022

010Fong Giám đốc

Cổ PHẨN Q Ó SARA VIỆT NAM

Nguyễn Vlinh Tâm

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KÉT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

		TI	Buy Ke tu dan ham den euor ky nay		
CHỈ TIÊU	số	minh _	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	25.742.664.468	6.310.389.839	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			e ff	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.742.664.468	6.310.389.839	
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.124.761.403	3.443.191.401	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.617.903.065	2.867.198.438	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.280.603	38.321.404.130	
Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	22 23	VI.4	1.154.573.083 170.958.904	2.150.398.700 2.128.537.290	
Chi phí bán hàng	25	VI.5	161.350.560	231.701.852	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.153.928.395	1.300.902.906	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.149.331.630	37.505.599.110	
Thu nhập khác	31		227.010	-	
Chi phí khác	32	VI.7	185.629.848	3.068.922	
Lợi nhuận khác	40		(185.402.838)	(3.068.922)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		963.928.792	37.502.530.188	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	229.911.728	= = -	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	_	734.017.064	37.502.530.188	
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Các khoản giảm trừ doanh thu Doanh thu thuẩn về bán hàng và cung cấp dịch vụ Giá vốn hàng bán Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Doanh thu hoạt động tài chính Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay Chi phí bán hàng Chi phí quản lý doanh nghiệp Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Thu nhập khác Chi phí khác Lợi nhuận khác Cổng lợi nhuận kế toán trước thuế Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Các khoẩn giẩm trừ doanh thu Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Giá vốn hàng bán Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Doanh thu hoạt động tài chính Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay Chi phí bán hàng Chi phí quản lý doanh nghiệp Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Thu nhập khác Chi phí khác Lợi nhuận khác Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 52	CHĨ TIÊU số minh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 01 VI.1 Các khoản giảm trừ doanh thu 02 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 10 Giá vốn hàng bán 11 VI.2 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 20 Doanh thu hoạt động tài chính 21 VI.3 Chi phí tài chính 22 VI.4 Trong đó: chi phí lãi vay 23 Chi phí bán hàng 25 VI.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp 26 VI.6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 Thu nhập khác 31 Chi phí khác 32 VI.7 Lợi nhuận khác 50 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 51 VI.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 52	CHỈ TIÊU số minh Năm nay Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 01 VI.1 25.742.664.468 Các khoản giảm trừ doanh thu 02 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 10 25.742.664.468 Giá vốn hàng bán 11 VI.2 22.124.761.403 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 20 3.617.903.065 Doanh thu hoạt động tài chính 21 VI.3 1.280.603 Chi phí tài chính 22 VI.4 1.154.573.083 Trong đó: chi phí lãi vay 23 170.958.904 Chi phí bán hàng 25 VI.5 161.350.560 Chi phí quản lý doanh nghiệp 26 VI.6 1.153.928.395 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 1.149.331.630 Thu nhập khác 31 227.010 Chi phí khác 32 VI.7 185.629.848 Lợi nhuận khác 40 (185.402.838) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 50 963.928.792 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 51	

Người lập biểu

Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

SARA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Bích Ngọc

yguyên Yinh Tâm

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp) 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

> Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

		Lũy kể từ đầu nằm đến cuối kỳ này					
	CHỈ TIÊU	Th Mã số - n	nuyết ninh _	Năm nay	Năm trước		
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		963.928.792	37.502.530.188		
2.	Điều chỉnh cho các khoản:						
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		289.881.198	289.881.198		
-	Các khoản dự phòng	03		983.614.179	•		
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại						
	các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		*1	-		
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.280.603)	(38.321.404.130)		
-	Chi phí lãi vay	06		170.958.904	2.128.537.290		
==	Các khoản điều chỉnh khác	07		<u> </u>	a reconstruction where the		
3,	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8		
	trước thay đổi vốn lưu động	08		2.407.102.470	1.599.544.546		
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.545.441.247	(131.665.014.552)		
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.409.456.188)	(84.761.779)		
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.499.410.824	(2.405.429.177)		
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12			25.421.214		
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	0 800 1980 6 8		
	Tiền lãi vay đã trả	14		1200	(3.765.731.141)		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			-		
•	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			:=		
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17					
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	29.042.498.353	(136.295.970.889)		
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và						
0.00	các tài sản dài hạn khác	21		(436.085.000)	_		
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và			(130.003.000)			
	các tài sản dài hạn khác	22		2	_		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của						
	đơn vị khác	23			ω		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	23					
	đơn vị khác	24		s=	<u> </u>		
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54.400.000.000)	(18.389.173.000)		
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(51110010001000)	44.900.000.000		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.645.012.213	7.835.962.293		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(53.191.072.787)	34.346.789.293		

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

			Lũy kế từ đầu năm	đến cuối kỳ này
TIÊU		Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
iộng tài chính				
iếu, nhận vốn góp của				
	31		음 중	180.000.000.000
chủ sở hữu, mua lại				
đã phát hành	32		12	±
	33		24.000.000.000	5.200.000.000
	34			(85.200.000.000)
nh	35			3
chủ sở hữu	36			=
hoạt động tài chính	40	.	24.000.000.000	100.000.000.000
ong kỳ	50		(148.574.434)	(1.949.181.596)
đầu năm	60	V.1	771.212.479	3.562.056.301
giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		×	19
cuối kỳ	70	V.1	622.638.045	1.612.874.705
	TIÊU Iộng tài chính niếu, nhận vốn góp của c chủ sở hữu, mua lại đã phát hành nh o chủ sở hữu hoạt động tài chính ong kỳ đầu năm giá hối đoái quy đổi ngoại tệ cuối kỳ	động tài chính niếu, nhận vốn góp của c chủ sở hữu, mua lại đã phát hành 32 33 34 35 36 chú sở hữu 36 choạt động tài chính 40 ông kỳ 50 đầu năm 60 giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61	TIÊU Mã số minh lộng tài chính niếu, nhận vốn góp của 2 chủ sở hữu, mua lại đã phát hành 32 33 34 nh 3 chủ sở hữu 40 50 đầu năm 60 V.1 giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61	TIÊU Mã số minh Năm nay lộng tài chính niếu, nhận vốn góp của 31 - 2 chủ sở hữu, mua lại đã phát hành 32 - 33 24.000.000.000 34 - 36 - 36 - 37 - 38 - 39 - 39 - 30 - 30 - 31 - 31 - 31 - 32 - 33 24.000.000.000 34 - 35 - 36 - 37 - 38 - 38 - 39 - 30 - 30 - 31 - 31 - 32 - 33 24.000.000.000 34 - 35 - 36 - 37 - 37 - 38 - 38 - 38 - 39 - 30 - 30 - 30 - 31 - 31 - 32 - 33 24.000.000.000 34 - 35 - 36 - 37 - 38 - 38 - 38 - 38 - 38 - 38 - 38 - 38

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chử Thị Ngọc Hà

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2022

01014 Tong Giám đốc

IRA VIỆT NĂM

MANgưyễn Winh Tâm

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;

- Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và BCTC năm 2021.

6. Nhân viên.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 9 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 8 nhân viên).

7. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con:

	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Hạ Long Osaka	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chế, tỉnh Quảng Ninh.	99%	99% 98%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác Bán buôn máy móc,
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Lạng Sơn Osaka (*) Công ty cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Móng Cái OSAKA	Lô M3, Cụm Công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng	98% 98%	98%	thiết bị và phụ tùng khác Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung
(*) Công ty Cổ phần Liên kết Sản xuất Việt Nam Nhật Bản Công ty cổ phần phòng khám Healthcare QUẬN 12 (**)	Ninh. Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 402 Tân Thới Hiệp 07, Khu phố 4, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.	98% 96%	98% 96%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Bán buôn thực phẩm, thuốc, dụng cụ y tế.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

• 6.5	•			
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare NAM SÀI GÒN (**)	568 Lê Văn Lương, Ấp 3, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.	96%	96%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Y tế Việt	35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	98%	98%	Lập trình máy tính, sản xuất phần mềm
Công ty Cổ phần Phòng khám Tân Triều	Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội.	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Hậu Giang	Số 16, đường số 4, Khu vực 4, Phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Phòng khám Việt Nam Osaka	Tầng 1, T78-G2 Khu đất đấu giá 31ha - Thị trấn Trâu Quỳ - Huyện Gia Lâm - Hà Nội.	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Sóc Trăng	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng.	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty cổ thiết bị công nghệ cao Vũng Áng OSAKA	Khu Công nghiệp Vũng Áng 1, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.	99%	99%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Công ty cổ phần phòng khám	Tầng trệt, Số 9 Tô Hiến Thành,	99%	99%	Hoạt động của các
Healthcare Vũng Tàu	Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.			phòng khẩm đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

^(*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Hạ Long Osaka. (**) Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Liên kết Sản xuất Việt Nam Nhật Bản. Hiện tại các công ty con hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cấu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vẫn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là hàng hóa được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty là chi phí công cụ dụng cụ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định Máy móc và thiết bi

Số năm

05

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

d) Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

12. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Sô cuôi kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	297.235.399	483.276.530
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	325.402.646	287.935.949
Cộng	622.638.045	771.212.479

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

•	Số cuối kỳ		Số đầu	năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng bên liên quan		-	4.766.636.667	i .
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare				
Nam Sài Gòn	-	-	1.066.636.667	25
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare				
Quận 12		-	3.700.000.000	·
Phải thu các khách hàng khác	11.526.990.936	1 73 1	142.857.825	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và				
Môi trường Hạ Long Tokyo	650.388.900	=		
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy	76.602.036		142.857.825	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ				
Vũng Ẩng Kyoto	10.800.000.000		-	12
Cộng	11.526.990.936		4.909.494.492	-
· 영 · 보호				

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu l	năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng_
Trả trước cho người bán khác	113.560.000.000	0.00	137.937.590.000	_
Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou	20.940.000.000	-	26.840.000.000	241
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	41.880.000.000	94	44.280.000.000	-
Công ty Cổ phần KANPEKI Nhật Bản	32.740.000.000	re.	66.691.090.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật cao				
Cần Thơ	18.000.000.000		-	
Các đối tượng khác	5 0.		126.500.000	
Cộng	113.560.000.000	(-	137.937.590.000	
1 1 2	N			

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

a) Ngắn hạn

Số cuối kỳ		Số đầu	năm
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
8.900.000	-	1.652.631.610	-
2.900.000	2.00	2.900.000	_
6.000.000	-	6.000.000	-
-	-	1.643.731.610	::
8.900.000	-	1.652.631.610	·-
	Giá trị 8.900.000 2.900.000 6.000.000	Giá trị Dự phòng 8.900.000 - 2.900.000 - 6.000.000 -	Giá trị Dự phòng Giá trị 8.900.000 - 1.652.631.610 2.900.000 - 2.900.000 6.000.000 - 6.000.000 - - 1.643.731.610

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
_	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.093.899.930		10.093.899.930	
Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu(*)	6.171.700.000	18 	6.171.700.000	#
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ(**)	3.922.199.930	(=	3.922.199.930	_
Cộng	10.093.899.930	·	10.093.899.930	

- (*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu trong Dự án "Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm- không khói trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05 tháng 6 năm 2020, tổng vốn dự kiến của Dự án là 123.434.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 58.013.980.000 VND tương đương 47% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 47:53. Theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/1203/2021/SRA-SARAVT ngày 12 tháng 03 năm 2021 thay đổi về tỷ lệ góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam là 5% tổng vốn đầu tư và lợi nhuận phân chia là 5% lợi nhuận sau thuế. Đến năm 2021, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã thu hồi số tiền 51.942.780.000 VND. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu là 6.171.700.000 VND.
- (**) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án "Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

5. Hàng tồn kho

	Số cuố	Số cuối kỳ		ınăm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	29.554.522.558		- 23.145.066.370	_
Cộng	29.554.522.558		- 23.145.066.370	-

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vẫn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Là giá trị máy móc thiết bị, chi tiết phát sinh trong kỳ này như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.335.124.014	(2.844.563.971)	2.490.560.043
Khấu hao trong kỳ	_ 5	(289.881.198)	(289.881.198)
Số cuối kỳ	5.335.124.014	(3.134.445.169)	2.200.678.845

7. Xây dựng cơ bản đở dang

Sô cuôi kỳ	Sô đâu năm
436.085.000	(w)
436.085.000	324
	436.085.000

8. Đầu tư tài chính dài hạn

ation introduction and introduction in accommodate the production of the control	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	275.400.000.000	(983.614.179)	221.000.000.000	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị	8			
Công nghệ cao Vũng Áng – OSAKA				
(1)	49.500.000.000	~	-	-
Công ty Cổ phần Phòng khám				
Healthcare Vũng Tàu (2)	4.900.000.000	(7.403.826)		<u> </u>
Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị				
Công nghệ cao Hạ Long Osaka (3)	49.500.000.000	(349.123.163)	49.500.000.000	/ <u>u</u>
Công ty Cổ phần Liên kết Sản xuất			10 000 000 000	
Việt Nam Nhật Bản (4)	49.000.000.000		49.000.000.000	(=
Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm	20 100 000 000		20 400 000 000	
Y tế Việt (5)	29.400.000.000		29.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Tân	20 400 000 000	(152.021.000)	20 400 000 000	
Triều (6)	29.400.000.000	(152.931.099)	29.400.000.000	·#
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Hậu Giang (7)	29.400.000.000		29.400.000.000	_
Công ty Cổ phần Phòng khám Việt	29.400.000.000	-	29.400.000.000	¥
Nam Osaka (8)	4.900.000.000	(343.312.224)	4.900.000.000	_
Công ty Cổ phần Phòng khám	4.700.000.000	(343.312.224)	4.700.000.000	
Healthcare Sóc Trăng (9)	29.400.000.000	(130.843.867)	29.400.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	204,227,000,000		204.227.000.000	:=:
Trung tâm sản nhi Bệnh viện đa khoa	204.227.000.000		201122110001000	
tinh Phú Thọ (*)	204.227.000.000	_	204.227.000.000	a m e
Cộng	479.627.000.000	(983.614.179)	425.227.000.000	
• ~				

⁽¹⁾ Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Vũng Áng – OSAKA theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3002228453 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 24 tháng 06 năm 2021. Theo đó, Công ty góp số tiền 49.500.000.000 VND tương đương 99% vốn điều lệ.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 350246608 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

110 / 24 M 10 / 10/1

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vẫn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

cấp ngày 11 tháng 01 năm 2022. Theo đó, Công ty góp số tiền 4.900.000.000 VND tương đương 99% vốn điều lệ.

- (3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Công nghệ cao Hạ Long Osaka theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5702075936 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021. Theo đó, Công ty góp số tiền 49.500.000.000 VND tương đương 99% vốn điều lệ.
- (4) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên kết Sản xuất Việt Nam Nhật Bản theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6300345260 cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2021. Theo đó Công ty góp số tiền 49.000.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.
- (5) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Y tế Việt theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0109725491 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 02 tháng 08 năm 2021. Theo đó, Công ty góp số tiền 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.
- (6) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phòng khám Tân Triều theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0109734577 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 08 năm 2021. Theo đó, Công ty sở hữu số tiền 29.400.000.000 tương đương 98% vốn điều lệ.
- (7) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Hậu Giang theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6300346338 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23 tháng 07 năm 2021. Theo đó, Công ty góp 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lê.
- (8) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phòng khám Việt Nam Osaka theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0109775397 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 11 năm 2021. Theo đó, Công ty góp số tiền 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.
- (9) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2200794804 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2021. Đến nay Công ty góp số tiền 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.
- (*) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tính Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tính Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Phụ lục số: 01/2019/HĐ/BVĐKTTP/SRA ngày 11 tháng 10 năm 2019 và phụ lục số 02/2019/HĐ/BVĐKTTP/SRA ngày 29 tháng 10 năm 2019, số tiền góp vốn là 204.227.000.000 VND, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tính Phú Thọ là 204.227.000.000VND. Đến thời điểm hiện tại Trung tâm sản nhi đã đi vào hoạt động tuy nhiên do chưa quyết toán được chi phí đầu tư dự án để xác định tỷ lệ phân chia lợi nhuận do đó Công ty chưa đủ cơ sở ghi nhận doanh thu liên quan đến khoản đầu tư này.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.769.902.874	1.585.405.345
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y khoa 3P	1.268.700.000	1.268.700.000
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Bông Sen	203.857.947	203.857.947
Các đối tương khác	297.344.927	112.847.398
Cộng	1.769.902.874	1.585.405.345

10. Người mua trả tiền trước

	Sô cuôi kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Phòng khám Tân Triều	17.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	17.000.000.000	17.000.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu	năm	Phát sinh	trong kỳ	Số cuối	kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa Thuế thu nhập doanh	17.469.992		-	5. 11	17.469.992	
nghiệp	,-,	43.420.117	229.911.728	-	186.491.611	- ×
Thuế thu nhập cá nhân	8.558.957		11.623.415	(3.418.501)	16.763.871	-
Các loại thuế khác		E	3.000.000	(3.000.000)		
Cộng	26.028.949	43.420.117	244.535.143	(6.418.501)	220.725.474	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế

5%

 Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện

Không chịu thuế

 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (trước 1/2/2022

10%

- Từ ngày 1/2/2022 công ty áp dụng giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8 % theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022

8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vẫn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	170.958.904	-
Chi phí lãi vay phải trả - Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Y tế Việt	170.958.904	-0
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	66.500.000	95.000.000
Trích trước phí kiểm toán	51.500.000	_
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.000.000	95.000.000
Cộng	237.458.904	95.000.000

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	15.500.000.000	- // -
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần Mềm Y tế Việt (*)	15.500.000.000	// -
Phải trả các tổ chức cá nhân khác	91.530.960	82.313.162
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	15.593.866	7.969.877
Bảo hiểm y tế	2.766.699	1.503.948
Bảo hiểm thất nghiệp	614.822	283.764
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	62.947.000	62.947.000
Cộng	15.591.530.960	82.313.162

^(*) Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Phần Mềm Y tế Việt về tiền cổ tức chưa đủ điều kiện ghi nhận.

14. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i> Vay Công ty Cổ phần Sản		24.000.000.000	=	24.000.000.000
xuất Phần mềm Y tế Việt (*)		24.000.000.000		24.000.000.000
Cộng	-	24.000.000.000		24.000.000.000

^(*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Sản xuất phầm mềm Y tế Việt theo hợp đồng số 1005/HĐHT/SRA-YTV ngày 10/5/2022 với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 9 tháng, lãi suất 5%/năm.

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	251.999.740.000	<u> </u>	2.863.107.311	57.282.569.793	312.145.417.104
Tăng vốn bằng tiền	180.000.000.000	(70.000.000)	-	= 2	179.930.000.000
Lợi nhuận năm trước				97.302.059.503	97.302.059.503
Số dư cuối năm trước	431.999.740.000	(70.000.000)	2.863.107.311	154.584.629.296	589.377.476.607
Số dư đầu năm nay Chi phí tăng vốn Lợi nhuận trong kỳ này	431.999.740.000	(70.000.000) (123.750.000)	2.863.107.311	154.584.629.296 - 734.017.064	589.377.476.607 (123.750.000) 734.017.064
Số dư cuối kỳ này	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	155.318.646.360	589.987.743.671

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.199.974	43.199.974
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu phổ thông	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi	æ	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu phổ thông	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi	₩	2.
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

16. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	Sô cuôi kỳ	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	950.000.000	950.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000,000	500.000.000
Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc đô thị UAC	450.000.000	450.000.000

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KÉT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	25.665.778.000	6.181.704.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.886.468	128.685.839
Cộng	25.742.664.468	6.310.389.839

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.009.136.405	3.327.566.403
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	115.624.998	115.624.998
Cộng	22.124.761.403	3.443.191.401

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luy kể từ đấu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.280.603	6.962.293
Cổ tức, lợi nhuận được chia	<u> </u>	38.314.441.837
Cộng	1.280.603	38.321.404.130

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	170.958.904	2.128.537.290
Dự phòng đầu tư vào công ty con	983.614.179	
Chi phí tài chính khác		21.861.410
Cộng	1.154.573.083	2.150.398.700

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí nhân viên bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	517.759.911	691.412.003
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.823	4.121.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.256.200	174.256.200
Thuế, phí và lệ phí	27.339.274	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.152.102	254.148.085
Các chi phí khác	75.208.085	173.965.404
Cộng	1.153.928.395	1.300.902.906

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt chậm nộp thuế TNCN	169.359.176	7
Các chi phí khác	16.270.672	3.068.922
Cộng	185.629.848	3.068.922

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kể từ đấu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	963.928.792	37.502.530.188
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế		
toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập		
doanh nghiệp:	185.629.848	(38.311.372.915)
 Các khoản điều chỉnh tăng 	185.629.848	3.068.922
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	169.359.176	3.068.922
Chi phí khác bị loại trừ	16.270.672	
 Các khoản điều chỉnh giảm 	5 .	(38.314.441.837)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.	(38.314.441.837)
Thu nhập chịu thuế	1.149.558.640	(808.842.727)
Thu nhập tính thuế	1.149.558.640	(808.842.727)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế		
suất phổ thông	229.911.728	
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	229.911.728	

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.823	4.121.214
Chi phí nhân công	679.110.471	923.113.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.881.198	289.881.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.152.102	254.148.085
Chi phí khác	102.547.359	176.965.404
Cộng	1.430.903.953	1.648.229.756

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vấn Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÔ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không còn sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban lãnh đạo, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lũy kế	từ đầu	năm đế	n cuối	kỳ này
--------	--------	--------	--------	--------

Á

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc	175.192.380	192.500.000
Ông Nguyễn Minh Tâm	175,192,380	S.=
Ông Cao Minh Thắng (Đã miễn nhiệm)	=:	192.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS		3 =
Ông Kazuya Kirino	= 1	(-
Ông Hoàng Văn Ba		
Ông Nguyễn Minh Tâm	-	:=
Bà Trịnh Thị Duyên	-	:=
Bà Đậu Thị Liễu	.=	
Bà Vũ Thị Kim Ngân		
Cộng	175.192.380	192.500.000

Trong kỳ, công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan là thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Name are the constitution of the contract of t	
Công ty Cổ phần liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	Công ty con
Công ty Cổ thiết bị công nghệ cao Hạ Long OSAKA	Công ty con
Công ty Cổ thiết bị công nghệ cao Vũng Áng OSAKA	Công ty con
Công ty Cổ phần phòng khám Healthcare Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Y TẾ VIỆT	Công ty con
Công ty Cổ phần phòng khám TÂN TRIỀU	Công ty con
Công ty Cổ phần phòng khám Healthcare SÓC TRĂNG	Công ty con
Công ty Cổ phần phòng khám VIỆT NAM – OSAKA	Công ty con

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần phòng khám Healthcare Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần phòng khám Healthcare QUẬN 12	Công ty con
Công ty Cổ phần phòng khám Healthcare NAM SÀI GÒN	Công ty con
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Lạng Sơn OSAKA	Công ty con
Công ty cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Móng Cái OSAKA	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Y tế Việt		12
Phải trả Cổ tức, lợi nhuận không đủ điều kiện ghi nhận	15.500.000.000	- /=
Nhận tiền vay trong kỳ	24.000.000.000	- /-
Lãi vay phải trả trong kỳ	170.958.904	-(.)
Công ty cổ thiết bị công nghệ cao Vũng Áng OSAKA		9/
Góp vốn trong kỳ	49.500.000.000	-
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Vũng Tàu		
Góp vốn trong kỳ	4.900.000.000	
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Nam Sài Gòn		
Thu tiền bán hàng	1.066.636.667	
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Quận 12		
Thu tiền bán hàng	3.700.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại thuyết minh số V.2; V.8; V.12; V.13 và V.14.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Minh Tâm